

Quản lý chi phí

1. Thống kê chi phí ước tính và chi phí thực tế sau khi kết thúc dự án

Bảng 1. Bảng chi phí ước tính và thực tế

Giai đoạn	Tên giai đoạn	Chi phí ước tính	Chi phí thực tế
1	Lên kế hoạch & Phân tích yêu cầu	5.2	5.0
2	Thiết kế phần mềm	11.6	12.0
3	Phát triển phần mềm	20.8	22.0
4	Kiểm thử	5.2	5.0
5	Triển khai	24.0	23.5
6	Bảo trì	4.0	4.2
Tổng cộng		70.8	71.7

2. Đánh giá các chỉ số

- % kế hoạch hoàn thành (PV%) = 100%
→ PV = BAC = 70.8 triệu VNĐ
- % thực tế hoàn thành (EV%) = 100%
→ EV = BAC = 70.8 triệu VNĐ
- AC = Tổng chi phí thực tế = 71.7 triệu VNĐ
- CV = EV – AC = 70.8 – 71.7 = -0.9 triệu VNĐ
→ Dự án vượt chi 0.9 triệu VNĐ
- Cost Performance Index CPI = EV / AC = 70.8 / 71.7 ≈ 0.99
→ Hiệu quả chi phí gần bằng ngân sách, hơi vượt nhẹ
- Schedule Variance SV = EV – PV = 70.8 – 70.8 = 0
→ Dự án đúng tiến độ
- Schedule Performance Index SPI = EV / PV = 70.8 / 70.8 = 1.0
→ Dự án đúng tiến độ

Dựa trên các chỉ số được tính toán tại thời điểm kết thúc dự án, có thể thấy nhóm đã kiểm soát và điều chỉnh chi phí, tiến độ một cách hiệu quả. Với tỷ lệ % kế hoạch hoàn thành (PV%) và % thực tế hoàn thành (EV%) đều đạt 100%, chỉ số SPI = 1.0 và SV = 0 cho thấy tiến độ dự án được triển khai đúng theo kế hoạch ban đầu, không xảy ra tình trạng trễ hạn ở bất kỳ giai đoạn nào. Về mặt chi phí, chỉ số chi phí thực tế (AC) là 71.7

triệu VNĐ, cao hơn chi phí kế hoạch ($BAC = 70.8$ triệu VNĐ) khoảng 0.9 triệu VNĐ, dẫn đến chỉ số chênh lệch chi phí (CV) âm và chỉ số hiệu quả chi phí (CPI) đạt 0.99.

Dù có sự vượt chi nhẹ, nhưng mức sai lệch này hoàn toàn nằm trong ngưỡng cho phép và cho thấy nhóm đã có năng lực quản lý tài chính rất tốt, linh hoạt điều chỉnh và tối ưu nguồn lực để đảm bảo chất lượng đầu ra mà vẫn bám sát ngân sách đề ra. Như vậy, dự án không những hoàn thành đúng tiến độ mà còn duy trì được hiệu quả chi phí ở mức cao, phản ánh khả năng kiểm soát và điều chỉnh ổn định của nhóm thực hiện.